

**Phụ lục**  
**TỔNG HỢP VỀ KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TRONG PHẠM VI CẤP TỈNH**

(Kèm theo Công văn số: 904/SCT-VP ngày 28/8/2025 của Sở Công Thương)

**1. Nhóm thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến hoặc thực hiện qua bưu chính công ích**

| STT      | Mã số TTHC                     | Tên TTHC                                                                | Thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến |          | Thực hiện qua bưu chính công ích | Giải pháp nâng cấp, hoàn thiện                                      | Cấp thực hiện |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------|
|          |                                |                                                                         | Toàn trình                            | Một phần |                                  |                                                                     |               |
| <b>A</b> | <b>TTHC CẤP TỈNH</b>           |                                                                         |                                       |          |                                  |                                                                     |               |
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực kinh doanh khí</b> |                                                                         |                                       |          |                                  |                                                                     |               |
| 1        | 2.000136.000.00.00.H48         | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG |                                       | X        | X                                | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh      |
| 2        | 2.000166.000.00.00.H48         | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG     |                                       | X        | X                                | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh      |
| 3        | 2.000156.000.00.00.H48         | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua         |                                       | X        | X                                | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết      | Cấp tỉnh      |

|   |                        |                                                                                |  |   |   |                                                                     |          |
|---|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--|---|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
|   |                        | bán LNG                                                                        |  |   |   | định                                                                |          |
| 4 | 2.000390.000.00.00.H48 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG |  | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 5 | 2.000354.000.00.00.H48 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG            |  | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 6 | 2.000279.000.00.00.H48 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG        |  | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 7 | 1.000481.000.00.00.H48 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG |  | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 8 | 2.000073.000.00.00.H48 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai                         |  | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |

|           |                                               |                                                                       |   |   |   |                                                                     |          |
|-----------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---|---|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
| 9         | 2.000194.000.00.00.H48                        | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn              |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 10        | 2.000196.000.00.00.H48                        | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 11        | 2.000387.000.00.00.H48                        | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 12        | 2.000163.000.00.00.H48                        | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước</b> |                                                                       |   |   |   |                                                                     |          |
| 1         | 2.000190.000.00.00.H48                        | Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá                              | X |   | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |

|   |                        |                                                                                                 |   |  |   |                                                                     |          |
|---|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
| 2 | 2.000176.000.00.00.H48 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá                                       | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 3 | 2.000167.000.00.00.H48 | Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá                                                    | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 4 | 2.001624.000.00.00.H48 | Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương                  | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 5 | 2.001619.000.00.00.H48 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 6 | 2.000636.000.00.00.H48 | Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương              | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 7 | 1.003977.H48           | Cấp Giấy phép phân phối rượu                                                                    | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết      | Cấp tỉnh |

|    |              |                                                            |   |  |   |                                                                     |          |
|----|--------------|------------------------------------------------------------|---|--|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
|    |              |                                                            |   |  |   | định                                                                |          |
| 8  | 1.005376.H48 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu              | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 9  | 1.003101.H48 | Cấp lại Giấy phép phân phối rượu                           | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 10 | 1.001338.H48 | Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá                  | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 11 | 1.001323.H48 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 12 | 2.000598.H48 | Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá              | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |

|    |                        |                                                                                                                             |   |  |   |                                                                     |          |
|----|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
| 13 | 2.000666.000.00.00.H34 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 14 | 2.000664.000.00.00.H34 | Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương              | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 15 | 2.000673.000.00.00.H34 | Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu                                                                   | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 16 | 2.000669.000.00.00.H34 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu                                                  | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 17 | 2.000672.000.00.00.H34 | Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu                                                               | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 18 | 2.000648.000.00.00.H34 | Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện                                                                                   | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau                                   | Cấp tỉnh |

|    |                        |                                                                                        |   |   |   |                                                                     |          |
|----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
|    |                        | bán lẻ xăng dầu                                                                        |   |   |   | khi UBND tỉnh ban hành Quyết định                                   |          |
| 19 | 2.000645.000.00.00.H34 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu             | X |   | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 20 | 2.000647.000.00.00.H34 | Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu                          | X |   | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 21 | 1.010696.000.00.00.H34 | Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 22 | 2.000626.000.00.00.H48 | Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá                                             | X |   | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 23 | 2.000622.000.00.00.H48 | Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá                                         | X |   | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |

|    |                        |                                                                                        |   |   |   |                                                                     |          |
|----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
| 24 | 2.000204.000.00.00.H48 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá                            | X |   | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 25 | 2.000637.000.00.00.H48 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá                             |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 26 | 2.000197.000.00.00.H48 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá            |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 27 | 2.000640.000.00.00.H48 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá                         |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 28 | 2.001646.000.00.00.H48 | Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)                  |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 29 | 2.001636.000.00.00.H48 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết      | Cấp tỉnh |



|            |                                    |                                                                                                                                                                       |   |   |   |                                                                     |          |
|------------|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
|            |                                    |                                                                                                                                                                       |   |   |   | định                                                                |          |
| 30         | 2.001630.000.00.00.H48             | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)                                                                                             |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| <b>III</b> | <b>Công nghiệp nặng</b>            |                                                                                                                                                                       |   |   |   |                                                                     |          |
| 1          | 1.001158.000.00.00.H48             | Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| <b>IV</b>  | <b>Nghề thủ công mỹ nghệ</b>       |                                                                                                                                                                       |   |   |   |                                                                     |          |
| 1          | 1.012471.H48                       | Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ                                                                       |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| <b>V</b>   | <b>Lĩnh vực Thương mại quốc tế</b> |                                                                                                                                                                       |   |   |   |                                                                     |          |
| 1          | 1.000376.H48                       | Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương                                                                                                                          | X |   | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau                                   | Cấp tỉnh |

|           |                                |                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |   |   |                                                                     |          |
|-----------|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
|           |                                | nhân nước ngoài tại Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                      |  |   |   | khi UBND tỉnh ban hành Quyết định                                   |          |
| 2         | 2.000339.000.00.00.H48         | Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ                                                                   |  | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 3         | 2.000334.000.00.00.H48         | Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m <sup>2</sup> |  | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 4         | 2.000322.000.00.00.H48         | Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại                                                                                                                                                                              |  | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| <b>VI</b> | <b>Lĩnh vực xuất nhập khẩu</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |   |   |                                                                     |          |

|   |              |                                                                                                                                        |   |  |   |                                                                     |          |
|---|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
| 1 | 1.001419.H48 | Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế                                                                 | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 2 | 1.003438.H48 | Cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh) | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 3 | 1.001062.H48 | Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất                                                                                    | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 4 | 1.000957.H48 | Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác                                                                           | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 5 | 1.000905.H48 | Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập                                                                                               | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 6 | 1.000890.H48 | Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu                                                                                               | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau                                   | Cấp tỉnh |

|    |              |                                                                                                                               |   |  |   |                                                                     |          |
|----|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
|    |              |                                                                                                                               |   |  |   | khi UBND tỉnh ban hành Quyết định                                   |          |
| 7  | 1.004155.H48 | Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh                                                      | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 8  | 1.004181.H48 | Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt                                            | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 9  | 2.001758.H48 | Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng                                                       | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 10 | 1.000551.H48 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất                                                         | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 11 | 1.000477.H48 | Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |

|            |                                     |                                                                                           |   |  |   |                                                                     |          |
|------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
|            |                                     | hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật                                                |   |  |   |                                                                     |          |
| 12         | 1.000400.H48                        | Cấp Chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico                            | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 13         | 1.001238.H48                        | Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu                       | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 14         | 1.001104.H48                        | Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 15         | 1.000264.H48                        | Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản      | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| <b>VII</b> | <b>Lĩnh vực xúc tiến thương mại</b> |                                                                                           |   |  |   |                                                                     |          |
| 1          | 2.000033.000.00.00.H48              | Thông báo hoạt động khuyến mại                                                            | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết      | Cấp tỉnh |

|   |                        |                                                                                                                                                                            |   |  |   |                                                                     |          |
|---|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
|   |                        |                                                                                                                                                                            |   |  |   | định                                                                |          |
| 2 | 2.001474.000.00.00.H48 | Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại                                                                                                                | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 3 | 2.000004.000.00.00.H48 | Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương                              | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 4 | 2.000002.000.00.00.H48 | Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 5 | 2.000131.000.00.00.H48 | Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam                                                                                                                 | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |

|    |                        |                                                                                                    |   |   |   |                                                                     |          |
|----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
| 6  | 2.000001.000.00.00.H48 | Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam               | X |   | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 7  | 2.000026.H48           | Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài                                       | X |   | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 8  | 2.000133.H48           | Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài             | X |   | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 9  | 2.002604.H48           | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 10 | 2.002605.H48           | Sửa đổi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại      |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 11 | 2.002606.H48           | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài          |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết      | Cấp tỉnh |

|             |                                    |                                                                                                                              |   |   |   |                                                                     |          |
|-------------|------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
|             |                                    | tại Việt Nam                                                                                                                 |   |   |   | định                                                                |          |
| 12          | 2.002607.H48                       | Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam                       |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 13          | 2.002608.H48                       | Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| <b>VIII</b> | <b>Lĩnh vực Thương mại điện tử</b> |                                                                                                                              |   |   |   |                                                                     |          |
| 1           | 1.003390.H48                       | Thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng                                                                               | X |   | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 2           | 1.000880.H48                       | Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử                                                              | X |   | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 3           | 2.000243.H48                       | Thông báo website thương mại điện tử bán hàng                                                                                | X |   | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh                     | Cấp tỉnh |



|           |                                 |                                                                            |   |  |   |                                                                     |          |
|-----------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---|--|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
|           |                                 |                                                                            |   |  |   | ban hành Quyết định                                                 |          |
| <b>IX</b> | <b>Lĩnh vực bán hàng đa cấp</b> |                                                                            |   |  |   |                                                                     | Cấp tỉnh |
| 1         | 2.001573.H48                    | Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp                                         | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 2         | 1.003705.H48                    | Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp      | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 3         | 2.000309.000.00.00.H34          | Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương                           | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 4         | 2.000631.000.00.00.H34          | Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 5         | 2.000619.000.00.00.H34          | Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương                | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết      | Cấp tỉnh |

|            |                                                  |                                                                                      |   |  |   |                                                                     |          |
|------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---|--|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
|            |                                                  |                                                                                      |   |  |   | định                                                                |          |
| 6          | 2.000609.000.00.00.H34                           | Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp                     | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| <b>X</b>   | <b>Lĩnh vực Giám định thương mại</b>             |                                                                                      |   |  |   |                                                                     |          |
| 1          | 1.005190.000.00.00.H34                           | Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại                                           | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 2          | 2.000110.000.00.00.H34                           | Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại                                  | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| <b>XI</b>  | <b>Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng</b> |                                                                                      |   |  |   |                                                                     |          |
| 1          | 2.000191.000.00.00.H34                           | Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của địa phương | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| <b>XII</b> | <b>Lĩnh vực điện</b>                             |                                                                                      |   |  |   |                                                                     |          |

|             |                                                |                                                                                                                                   |   |  |   |                                                                     |          |
|-------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
| 1           | 1.013417.H48                                   | Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng) | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 2           | 1.013418.H48                                   | Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh                                        | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 3           | 1.013419.H48                                   | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh                               | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 4           | 1.013420.H48                                   | Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| <b>XIII</b> | <b>Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng</b> |                                                                                                                                   |   |  |   |                                                                     |          |
| 1           | 1.001271.H48                                   | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm                                                                                  | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |

|   |              |                                                                   |   |  |   |                                                                     |          |
|---|--------------|-------------------------------------------------------------------|---|--|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
| 2 | 2.000618.H48 | Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 3 | 2.000613.H48 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm              | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 4 | 1.000878.H48 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định                   | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 5 | 2.000401.H48 | Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định  | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 6 | 2.000251.H48 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định               | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 7 | 1.001292.H48 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận                  | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết      | Cấp tỉnh |

|            |                                       |                                                                                             |   |  |   |                                                                     |          |
|------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
|            |                                       |                                                                                             |   |  |   | định                                                                |          |
| 8          | 2.000628.H48                          | Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận                           | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 9          | 2.000624.H48                          | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận                                        | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| <b>XIV</b> | <b>Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng</b> |                                                                                             |   |  |   |                                                                     |          |
| 1          | 1.000667.H48                          | Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá                                           | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 2          | 2.000209.H48                          | Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại                                             | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 3          | 1.000162.H48                          | Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết      | Cấp tỉnh |

|           |                          |                                                                                                                                                      |   |   |   |                                                                     |          |
|-----------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
|           |                          | thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá                                                          |   |   |   | định                                                                |          |
| 4         | 1.000172.H48             | Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá | X |   | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 5         | 1.000949.H48             | Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu           | X |   | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| <b>XV</b> | <b>Lĩnh vực Hóa chất</b> |                                                                                                                                                      |   |   |   |                                                                     |          |
| 1         | 2.001547.000.00.00.H48   | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp                                      |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 2         | 2.001172.000.00.00.H48   | Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều                                                           |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết      | Cấp tỉnh |

|   |                        |                                                                                                                                          |   |   |   |                                                                     |          |
|---|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
|   |                        | kiện trong lĩnh vực công nghiệp                                                                                                          |   |   |   | định                                                                |          |
| 3 | 1.002758.000.00.00.H48 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp                        |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 4 | 2.000652.000.00.00.H48 | Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp             |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 5 | 1.011506.000.00.00.H48 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp            |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 6 | 1.011508.000.00.00.H48 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 7 | 1.003820.H48           | Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1                                                                                                   | X |   | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |

|    |              |                                                                    |   |  |   |                                                                     |          |
|----|--------------|--------------------------------------------------------------------|---|--|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
| 8  | 2.001585.H48 | Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1                  | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 9  | 1.003775.H48 | Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1                         | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 10 | 1.003724.H48 | Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3            | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 11 | 1.004031.H48 | Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 12 | 2.001722.H48 | Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3        | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 13 | 2.000431.H48 | Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1                 | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết      | Cấp tỉnh |



|            |                                         |                                                                                                                            |   |   |   |                                                                     |          |
|------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
|            |                                         |                                                                                                                            |   |   |   | định                                                                |          |
| 14         | 2.000257.H48                            | Cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3                                                             | X |   | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| <b>XVI</b> | <b>Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp</b> |                                                                                                                            |   |   |   |                                                                     |          |
| 1          | 1.003401.000.00.00.H48                  | Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương                           | X |   | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 2          | 2.000229.000.00.00.H48                  | Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương     |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 3          | 2.000210.000.00.00.H48                  | Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 4          | 2.000221.000.00.00.H48                  | Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ                                                         |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết      | Cấp tỉnh |

|             |                                          |                                                                                                            |   |   |   |                                                                     |          |
|-------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
|             |                                          |                                                                                                            |   |   |   | định                                                                |          |
| 5           | 2.000172.000.00.00.H48                   | Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ                                     |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 6           | 2.001434.000.00.00.H48                   | Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh     |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 7           | 2.001433.000.00.00.H48                   | Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh |   | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| <b>XVII</b> | <b>Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động</b> |                                                                                                            |   |   |   |                                                                     |          |
| 1           | 2.000140.H48                             | Cấp chứng chỉ kiểm định viên                                                                               | X |   | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 2           | 2.000066.H48                             | Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên                                                                           | X |   | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết      | Cấp tỉnh |

|              |                                              |                                                                                                      |   |  |   |                                                                     |          |
|--------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
|              |                                              |                                                                                                      |   |  |   | định                                                                |          |
| <b>XVIII</b> | <b>Lĩnh vực Chất lượng sản phẩm hàng hoá</b> |                                                                                                      |   |  |   |                                                                     |          |
| 1            | 2.000604.H48                                 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định                                                      | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 2            | 2.001675.H48                                 | Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định                                     | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 3            | 2.001665.H48                                 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định                                                  | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 4            | 1.013990.H48                                 | Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp                                              | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 5            | 2.000046.000.00.00.H48                       | Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết      | Cấp tỉnh |

|            |                                   |                                                                                                                                 |   |  |   |                                                                     |          |
|------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|---|---------------------------------------------------------------------|----------|
|            |                                   |                                                                                                                                 |   |  |   | định                                                                |          |
| <b>XIX</b> | <b>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b> |                                                                                                                                 |   |  |   |                                                                     |          |
| 1          | 2.000591.000.00.00.H48            | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện     | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 2          | 2.000535.000.00.00.H48            | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 3          | 2.000117.H48                      | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm                                           | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| 4          | 2.000115.H48                      | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm                                       | X |  | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp tỉnh |
| <b>B</b>   | <b>TTHC CẤP XÃ</b>                |                                                                                                                                 |   |  |   |                                                                     |          |
| <b>I</b>   | <b>Lưu thông hàng hóa trong</b>   |                                                                                                                                 |   |  |   |                                                                     | Cấp xã   |

|   |                        |                                                                                |  |   |   |                                                                     |        |
|---|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--|---|---|---------------------------------------------------------------------|--------|
|   | <b>nước</b>            |                                                                                |  |   |   |                                                                     |        |
| 1 | 2.000633.000.00.00.H48 | Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh                  |  | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp xã |
| 2 | 1.001279.000.00.00.H48 | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh              |  | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp xã |
| 3 | 2.000629.000.00.00.H48 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh |  | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp xã |
| 4 | 2.000620.000.00.00.H48 | Cấp Giấy phép bán lẻ rượu.                                                     |  | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp xã |
| 5 | 2.001240.000.00.00.H48 | Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu.                                             |  | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp xã |

|            |                                       |                                                                     |  |   |   |                                                                     |        |
|------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--|---|---|---------------------------------------------------------------------|--------|
| 6          | 2.000615.000.00.00.H48                | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu.                         |  | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp xã |
| <b>II</b>  | <b>Công nghiệp địa phương</b>         |                                                                     |  |   |   |                                                                     |        |
| 1          | 2.002096.000.00.00.H48                | Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã |  | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp xã |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng</b> |                                                                     |  |   |   |                                                                     |        |
| 1          | 2.000181.000.00.00.H48                | Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                              |  | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp xã |
| 2          | 2.000162.000.00.00.H48                | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá             |  | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp xã |
| 3          | 2.000150.000.00.00.H48                | Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                          |  | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết      | Cấp xã |

|           |                                |                                                                       |  |   |   |                                                                     |        |
|-----------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--|---|---|---------------------------------------------------------------------|--------|
|           |                                |                                                                       |  |   |   | định                                                                |        |
| <b>IV</b> | <b>Lĩnh vực kinh doanh khí</b> |                                                                       |  |   |   |                                                                     |        |
| 1         | 2.001283.000.00.00.H48         | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.            |  | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp xã |
| 2         | 2.001270.000.00.00.H48         | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.        |  | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp xã |
| 3         | 2.001261.000.00.00.H48         | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai. |  | X | X | Đảm bảo, Sửa quy trình nội bộ sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định | Cấp xã |

**2. Thủ tục hành chính có thể thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính và không cần điều chỉnh văn bản quy phạm pháp luật (trừ các thủ tục hành chính đã đủ điều kiện và đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình).**

| STT      | Mã số TTHC                         | Tên TTHC                                                                                  | Giải pháp nâng cấp, hoàn thiện   | Tiến độ triển khai dự kiến          | Cấp thực hiện |
|----------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|---------------|
| <b>A</b> | <b>TTHC CẤP TỈNH</b>               |                                                                                           |                                  |                                     |               |
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực Thương mại quốc tế</b> |                                                                                           |                                  |                                     |               |
| 1        | 2.000063.000.00.00.H48             | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam        | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh      |
| 2        | 2.000450.000.00.00.H48             | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam    | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh      |
| 3        | 2.000347.000.00.00.H48             | Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh      |
| 4        | 2.000327.000.00.00.H48             | Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam    | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh      |
| 5        | 2.000314.000.00.00.H48             | Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam         | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh      |
| 6        |                                    | Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh                                                     | Đề xuất đưa lên                  | Sau khi UBND tỉnh                   | Cấp tỉnh      |



|    |                        |                                                                                                                                                                               |                                  |                                     |          |
|----|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|----------|
|    | 1.000361.H48           | cửa thương nhân nước ngoài tại Việt Nam                                                                                                                                       | DVCTT toàn trình                 | ban hành danh mục                   |          |
| 7  | 2.000129.H48           | Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam                                                                                              | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 8  | 1.000358.H48           | Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam                                                                                                 | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 9  | 1.000168.H48           | Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam                                                                                                          | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 10 | 2.000255.000.00.00.H48 | Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa                                                            | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 11 | 2.000370.000.00.00.H48 | Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn                 | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 12 | 2.000362.000.00.00.H48 | Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 13 | 2.000351.000.00.00.H48 | Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định                      | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |

|    |                        |                                                                                                                                                                |                                  |                                     |          |
|----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|----------|
|    |                        | 09/2018/NĐ-CP                                                                                                                                                  |                                  |                                     |          |
| 14 | 2.000340.000.00.00.H48 | Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài                                                                                      | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 15 | 2.000330.000.00.00.H48 | Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài                                                                                   | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 16 | 2.000272.000.00.00.H48 | Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP                                         | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần   | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 17 | 2.000361.000.00.00.H48 | Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần   | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 18 | 1.000774.000.00.00.H48 | Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)                              | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần   | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 19 | 2.002166.000.00.00.H48 | Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini          | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần   | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 20 | 2.000665.000.00.00.H48 | Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ                                                                                                                             | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần   | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 21 | 1.001441.000.00.00.H48 | Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ                                                                                                                             | Đề xuất đưa lên                  | Sau khi UBND tỉnh                   | Cấp tỉnh |

|           |                                |                                                                                                                                               |                                  |                                     |          |
|-----------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|----------|
|           |                                |                                                                                                                                               | DVCTT một phần                   | ban hành danh mục                   |          |
| 22        | 2.000662.000.00.00.H48         | Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động                                                                  | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần   | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực xuất nhập khẩu</b> |                                                                                                                                               |                                  |                                     |          |
| 1         | 1.013778.H48                   | Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh                                                                                  | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 2         | 1.013779.H48                   | Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép                                      | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 3         | 1.000350.H48                   | Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam                       | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 4         | 1.005405.H48                   | Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 5         | 1.005406.H48                   | Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam                   | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 6         | 1.013991.H48                   | Cấp phép nhập khẩu mặt hàng có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh nhưng không phục vụ quốc phòng, an ninh                                      | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |

|    |              |                                                                                                                                   |                                  |                                     |          |
|----|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|----------|
| 7  | 1.000363.H48 | Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điều, xì gà                                                                                   | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 8  | 1.004191.H48 | Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 9  | 1.014119.H48 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VI                                                                          | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 10 | 1.000665.H48 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu D                                                                           | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 11 | 1.000695.H48 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu E                                                                           | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 12 | 1.000603.H48 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AK                                                                          | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 13 | 1.000432.H48 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AJ                                                                          | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 14 | 2.000303.H48 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AI                                                                          | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 15 | 1.000694.H48 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AANZ                                                                        | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 16 | 1.000676.H48 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu S                                                                           | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 17 | 2.000260.H48 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá                                                                                              | Đề xuất đưa lên                  | Sau khi UBND tỉnh                   | Cấp tỉnh |

|    |              |                                                                                          |                                  |                                     |          |
|----|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|----------|
|    |              | (C/O) ưu đãi Mẫu X                                                                       | DVCTT toàn trình                 | ban hành danh mục                   |          |
| 18 | 1.000686.H48 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VJ                                 | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 19 | 1.000664.H48 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VC                                 | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 20 | 1.000431.H48 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VK                                 | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 21 | 1.000382.H48 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu EAV                                | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 22 | 1.000490.H48 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu A                                  | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 23 | 1.000450.H48 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) không ưu đãi Mẫu B                            | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 24 | 1.000430.H48 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu DA59 (cho hàng hóa xuất khẩu đi Châu Phi) | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 25 | 1.000398.H48 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu)           | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 26 | 1.003477.H48 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Peru                                      | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 27 | 1.003400.H48 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Thổ Nhĩ Kỳ                                | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |

|    |               |                                                                                                                                                                                                                                 |                                  |                                     |          |
|----|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|----------|
| 28 | 1.002960.H48  | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ 29 hàng hóa (C/O) mẫu Venezuela                                                                                                                                                                     | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 29 | 1.001298.H48  | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) cho hàng hóa gửi kho ngoại quan đến các nước thành viên theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập                                                                       | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 30 | 1.001370.H48  | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu từ doanh nghiệp chế biến, khu chế xuất, kho ngoại quan, khu phi thuế quan và các khu vực hải quan riêng khác có quan hệ xuất nhập khẩu với nội địa | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 31 | 1.001380.H48  | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) cấp sau                                                                                                                                                                              | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 32 | 1.001383.H48  | Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O)                                                                                                                                                                                  | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 33 | 1.003522.H48  | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) giáp lưng                                                                                                                                                                            | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 34 | 2.001372.H48  | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu CPTPP                                                                                                                                                                     | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 35 | 1.0079680.H48 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu AHK                                                                                                                                                                       | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 36 | 1.008361.H48  | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu VN-CU                                                                                                                                                                     | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |

|            |                                |                                                                                    |                                  |                                     |          |
|------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|----------|
| 37         | 1.008667.H48                   | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu EUR.1                               | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 38         | 1.010056.H48                   | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu EUR.1 trong UKVFTA                  | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 39         | 1.010762.H48                   | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu RCEP                         | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 40         | 1.001274.H48                   | Cấp Giấy chứng nhận không thay đổi xuất xứ (CNM)                                   | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 41         | 1.013642.H48                   | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu GSTP                                | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 42         | 1.013643.H48                   | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu BR9                                 | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 43         | 1.000366.H48                   | Cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN                  | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 44         | 1.008882.H48                   | Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực kinh doanh khí</b> |                                                                                    |                                  |                                     |          |
| 1          | 2.000142.000.00.00.H48         | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG                | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần   | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 2          | 2.000078.000.00.00.H48         | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG     | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần   | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |

|    |              |                                                                                  |                                |                                     |          |
|----|--------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|----------|
| 3  | 2.001424.H48 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG            | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 4  | 1.000491.H48 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 5  | 1.000510.H48 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG        | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 6  | 1.005184.H48 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG            | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 7  | 1.000649.H48 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 8  | 1.005372.H48 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG        | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 9  | 1.000706.H48 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG            | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 10 | 2.000146.H48 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 11 | 1.000387.H48 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG        | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |



|    |                        |                                                                                  |                                |                                     |          |
|----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|----------|
| 12 | 2.000201.000.00.00.H48 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai                | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 13 | 2.000207.000.00.00.H48 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai                       | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 14 | 2.000175.000.00.00.H48 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn              | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 15 | 2.000187.000.00.00.H48 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn                     | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 16 | 2.000180.000.00.00.H48 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 17 | 1.000425.000.00.00.H48 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải        | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 18 | 2.000371.000.00.00.H48 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 19 | 2.000376.000.00.00.H48 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải        | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 20 | 2.000211.000.00.00.H48 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 21 | 1.000444.000.00.00.H48 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải        | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 22 | 1.000475.H48           | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG                | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 23 | 1.000455.H48           | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG.           | Đề xuất đưa lên                | Sau khi UBND tỉnh                   | Cấp tỉnh |

|           |                                 |                                                                                          |                                  |                                     |          |
|-----------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|----------|
|           |                                 |                                                                                          | DVCTT một phần                   | ban hành danh mục                   |          |
| 24        | 1.000742.H48                    | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai chứa LPG.            | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần   | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 25        | 2.000304.H48                    | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini.                                 | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần   | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 26        | 1.000709.H48                    | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini.                             | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần   | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 27        | 1.000704.H48                    | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini.                      | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần   | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| <b>IV</b> | <b>Lĩnh vực bán hàng đa cấp</b> |                                                                                          |                                  |                                     |          |
| 1         | 2.000324.H48                    | Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương    | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần   | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| <b>V</b>  | <b>Lĩnh vực điện</b>            |                                                                                          |                                  |                                     | Cấp tỉnh |
| 1         | 1.013401.H48                    | Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh      | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 2         | 1.013411.H48                    | Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 3         | 1.013412.H48                    | Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân               | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |

|            |                                                |                                                                                                                                                   |                                  |                                     |          |
|------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|----------|
|            |                                                | dân cấp tỉnh                                                                                                                                      |                                  |                                     |          |
| 4          | 1.013416.H48                                   | Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh                                                             | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 5          | 1.013421.H48                                   | Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh                                                                | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| <b>VI</b>  | <b>Lĩnh vực điện lực</b>                       |                                                                                                                                                   |                                  |                                     |          |
| 1          | 1.013394.H48                                   | Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp                                                                                               | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 2          | 1.013395.H48                                   | Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp                                                                                              | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 3          | 1.013004.H48                                   | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát triển nguồn điện mặt trời mái                                                                                    | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 4          | 1.013005.H48                                   | Điều chỉnh, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 5          | 2.002676.H48                                   | Thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia                                   | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| <b>VII</b> | <b>Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện</b> |                                                                                                                                                   |                                  |                                     |          |
| 1          | 1.013398.H48                                   | Điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy                                          | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần   | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |

|             |                                       |                                                                                                                                                  |                                |                                     |          |
|-------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|----------|
|             |                                       | ban nhân dân cấp tỉnh                                                                                                                            |                                |                                     |          |
| 2           | 1.013399.H48                          | Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh                             | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 3           | 1.013400.H48                          | Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh                                       | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 4           | 2.001322.000.00.00.H48                | Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban                                                  | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 5           | 2.001292.000.00.00.H48                | Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh                                          | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 6           | 2.001300.000.00.00.H48                | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh         | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 7           | 2.001313.000.00.00.H48                | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| <b>VIII</b> | <b>Lĩnh vực dầu khí</b>               |                                                                                                                                                  |                                |                                     |          |
| 1           | 1.013996.H48                          | Chấp thuận các tài liệu an toàn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh                                                                        | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| <b>IX</b>   | <b>Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng</b> |                                                                                                                                                  |                                |                                     |          |
| 1           | 1.000981.H48                          | Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá                                                                                                      | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |

|           |                                        |                                                                                                                                               |                                |                                     |          |
|-----------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|----------|
| 2         | 1.000948.H48                           | Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá                                                                                               | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 3         | 1.000911.H48                           | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá                                                                                  | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 4         | 1.004021.H48                           | Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)                                                                   | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 5         | 1.003992.H48                           | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)                                                               | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 6         | 1.004007.H48                           | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)                                                  | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| <b>X</b>  | <b>Lĩnh vực Công nghiệp địa phương</b> |                                                                                                                                               |                                |                                     |          |
| 1         | 2.000331.000.00.00.H48                 | Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh                                                                         | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| <b>XI</b> | <b>Lĩnh vực Khoáng sản</b>             |                                                                                                                                               |                                |                                     |          |
| 1         | 1.013652.H48                           | Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 2         | 1.014125.H48                           | Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản                                                                    | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 3         | 1.014126.H48                           | Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng                                                                    | Đề xuất đưa lên                | Sau khi UBND tỉnh                   | Cấp tỉnh |

|             |                                 |                                                                                                                                   |                                |                                     |          |
|-------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|----------|
|             |                                 | sản                                                                                                                               | DVCTT một phần                 | ban hành danh mục                   |          |
| 4           | 1.014127.H48                    | Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản                                                    | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| <b>XII</b>  | <b>Lĩnh vực Cụm công nghiệp</b> |                                                                                                                                   |                                |                                     |          |
| 1           | 1.012427.H48                    | Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp                                                                                                 | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| <b>XIII</b> | <b>Lĩnh vực Hóa chất</b>        |                                                                                                                                   |                                |                                     |          |
| 1           | 2.001175.000.00.00.H48          | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp               | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 2           | 2.001161.000.00.00.H48          | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp             | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 3           | 1.011507.000.00.00.H48          | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 4           | 1.012429.H48                    | Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1                                                                            | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 5           | 1.012430.H48                    | Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1                                                                     | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 6           | 1.012431.H48                    | Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1                                                                            | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |

|            |                                         |                                                                                                               |                                |                                     |          |
|------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|----------|
| 7          | 1.012432.H48                            | Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3                                       | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 8          | 1.012434.H48                            | Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3                                       | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 9          | 1.012438.H48                            | Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3                                                     | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 10         | 1.012439.H48                            | Cấp lại Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3                                                 | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 11         | 1.012440.H48                            | Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3                                          | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 12         | 1.012441.H48                            | Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3                                                  | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 13         | 1.012442.H48                            | Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3                                              | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 14         | 1.012443.H48                            | Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3                              | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| <b>XIV</b> | <b>Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp</b> |                                                                                                               |                                |                                     |          |
| 1          | 1.013058.H48                            | Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Tỉnh | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 2          | 1.000998.H48                            | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiên chất thuốc nổ                                                  | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 3          | 1.000965.H48                            | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiên chất thuốc nổ                                       | Đề xuất đưa lên                | Sau khi UBND tỉnh                   | Cấp tỉnh |

|             |                                              |                                                                                                                                                        |                                |                                     |          |
|-------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|----------|
|             |                                              |                                                                                                                                                        | DVCTT một phần                 | ban hành danh mục                   |          |
| <b>XV</b>   | <b>Lĩnh vực chất lượng sản phẩm hàng hoá</b> |                                                                                                                                                        |                                |                                     |          |
| 1           | 1.013989.H48                                 | Cấp Quyết định thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định                                                                                       | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| <b>XVI</b>  | <b>Lĩnh vực khoa học công nghệ</b>           |                                                                                                                                                        | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục |          |
| 1           | 2.000147.H48                                 | Cấp Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp                                                                                                    | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| <b>XVII</b> | <b>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b>            |                                                                                                                                                        |                                |                                     |          |
| 1           | 1.013780.H48                                 | Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 2           | 2.001293.H48                                 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm                                 | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 3           | 2.001278.H48                                 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh sản phẩm thực phẩm                    | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 4           | 2.001682.H48                                 | Đăng ký chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước                                                                                  | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 5           | 1.003951.H48                                 | Đăng ký gia hạn chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà                                                                               | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |



|           |                                                  |                                                                                                                                                |                                  |                                     |          |
|-----------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|----------|
|           |                                                  | nước                                                                                                                                           |                                  |                                     |          |
| 6         | 2.001660.H48                                     | Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước                                                | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần   | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 7         | 1.003860.H48                                     | Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm                                                                             | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần   | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 8         | 2.001595.H48                                     | Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm                                                                     | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần   | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp tỉnh |
| 9         | 1.003929.H48                                     | Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm                                                   | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần   | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục |          |
| <b>B</b>  | <b>TTHC CẤP XÃ</b>                               |                                                                                                                                                |                                  |                                     |          |
| <b>I</b>  | <b>Lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng</b> |                                                                                                                                                |                                  |                                     |          |
| 1         | 2.002620.H48                                     | Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên                                                       | Đề xuất đưa lên DVCTT toàn trình | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp xã   |
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện</b>   |                                                                                                                                                |                                  |                                     |          |
| 1         | 2.000206.000.00.00.H48                           | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần   | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp xã   |
| 2         | 2.001384.H48                                     | Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện                                                                     | Đề xuất đưa lên DVCTT một phần   | Sau khi UBND tỉnh ban hành danh mục | Cấp xã   |

